

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 76/2002/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn những vấn đề về tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Thi hành Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Nghị định số 64/2002/NĐ-CP); Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề về tài chính như sau:

Phần thứ nhất

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 2 Nghị định số 64/2002/NĐ-CP và thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định này.

Những doanh nghiệp thuộc Mục III Phần A, Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ thì không thuộc đối tượng cổ phần hóa.

2. Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

2.1. Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp có đủ điều kiện hạch toán độc lập là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đã có đủ điều kiện tổ chức hạch toán kế toán, thống kê hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đến kết quả cuối cùng và thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo chế độ Nhà nước quy định.

2.2. Tiền thu về bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là số tiền thu được khi bán cổ phần thuộc vốn nhà nước tại doanh nghiệp, không bao gồm giá trị ưu đãi cho người lao động và người sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến hàng nông, lâm, thủy sản.

2.3. Thời điểm doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp là thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Tùy theo quy mô vốn và điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp, khi xác định phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước có thể lựa chọn và áp dụng một trong những hình thức cổ phần hóa quy định tại Điều 3 Nghị định số 64/2002/NĐ-CP.

Trong đó trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP: "Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn" thì giá trị cổ phần của Nhà nước góp vào công ty được xác định bằng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trừ (-) chi phí cổ phần hóa, giá trị ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp (bao gồm cả giá trị cổ phần bán trả chậm cho người nghèo) và người sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

4. Nhà nước chỉ nắm giữ cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ) của doanh nghiệp cổ phần hóa hoạt động trong những ngành nghề và có các điều kiện như quy định tại điểm 1 Mục II của Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty nhà nước sau khi cổ phần hóa mà Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ thì vẫn là thành viên của Tổng công ty, nhưng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và không phải nộp kinh phí cấp trên. Tổng công ty chỉ được quyền chuyển nhượng phần vốn nhà nước góp tại công ty cổ phần trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Khi nhận được quyết định thực hiện cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp phải khẩn trương thực hiện thanh quyết toán thuế, xử lý tồn tại về tài chính của doanh nghiệp và triển khai thực hiện các bước để cổ phần hóa.

Cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp và cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp thực hiện ngay việc thanh quyết toán và xử lý những tồn tại về tài chính của doanh nghiệp theo chế độ Nhà nước đã quy định.

Phần thứ hai

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH KHI CHUYỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

I. KIỂM KÊ VÀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN TẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Khi nhận được quyết định thực hiện cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng ở thời điểm lập báo cáo quyết toán tài chính của quý gần nhất trước ngày ra quyết định cổ phần hóa:

1. Kiểm kê xác định đúng số lượng và chất lượng của tài sản thực tế hiện có doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng tại thời điểm kiểm kê. Xác định tài sản thừa, thiếu so với sổ sách kế toán, phân tích rõ nguyên nhân thừa, thiếu.

2. Phân loại tài sản đã kiểm kê theo các nhóm sau:

2.1. Tài sản doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng.

2.2. Tài sản doanh nghiệp không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý, tài sản không có khả năng phục hồi cho quá trình sản xuất kinh doanh.

2.3. Tài sản hình thành từ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

2.4. Tài sản thuê ngoài, vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán hộ, nhận ký gửi.

3. Đối chiếu xác nhận và phân loại các khoản công nợ, lập bảng kê chi tiết đối với từng loại công nợ theo quy định sau:

3.1. Nợ phải trả, trong đó:

a) Các khoản nợ phải trả đã quá hạn trả.

b) Các khoản nợ phải trả nhưng không phải trả là khoản nợ mà chủ nợ không còn tồn tại để đòi (doanh nghiệp đã giải thể, phá sản, chủ nợ đã chết) hoặc chủ nợ không đến đối chiếu đòi nợ mặc dù doanh nghiệp đã có văn bản yêu cầu chủ nợ hoặc đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

3.2. Nợ phải thu, trong đó: nợ phải thu có khả năng thu hồi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Phân tích rõ từng khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm nợ phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã giải thể, phá sản hoặc đã ngừng hoạt động không có khả năng chi trả.

Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, đang thi hành án phạt tù hoặc người thừa kế theo phán quyết của tòa án không có khả năng chi trả. Khách nợ đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ,

xét xử nhưng có đủ căn cứ chứng minh là nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản nợ phải thu của các khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

Các khoản nợ phải thu mà dự toán chi phí đòi nợ lớn hơn giá trị khoản nợ phải thu.

Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 3 năm trở lên mà khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ hoặc quá khó khăn không có khả năng thanh toán, doanh nghiệp đã tích cực áp dụng nhiều giải pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

4. Tổ chức đánh giá và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng theo chế độ Nhà nước quy định.

5. Kiểm quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

II. XỬ LÝ NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Xử lý tài sản.

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, phân loại tài sản, doanh nghiệp xử lý tài sản theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, trong đó:

1.1. Đối với tài sản thừa, thiếu trong kiểm kê thì doanh nghiệp phải phân tích làm rõ nguyên nhân tài sản thừa, thiếu và xử lý như sau:

Đối với tài sản thiếu phải xác định mức độ trách nhiệm đền bù của tổ chức, cá nhân kèm theo các biện pháp xử lý hành chính theo các quy định hiện hành; giá trị tài sản thiếu sau khi trừ khoản đền bù trách nhiệm, doanh nghiệp hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Đối với tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì hạch toán vào kết quả kinh doanh.

1.2. Đối với những tài sản doanh nghiệp không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý thì xử lý như sau:

a) Doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều chuyển cho đơn vị khác quản lý và sử dụng cụ thể:

Nếu điều chuyển cho các đơn vị trong ngành thuộc Bộ thì Bộ quản lý ngành quyết định chuyển cho đơn vị thuộc tỉnh, thành phố quản lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

Nếu điều chuyển cho các đơn vị ngoài ngành, ngoài địa phương thì Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Căn cứ Biên bản giao nhận tài sản theo quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp cổ phần hóa và doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chỉnh tăng, giảm vốn theo giá trị tài sản ghi trên sổ kế toán doanh nghiệp cổ phần hóa.

b) Trường hợp không có đơn vị tiếp nhận tài sản thì doanh nghiệp chủ động tổ chức thanh lý, nhượng bán tài sản theo chế độ Nhà nước đã quy định. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua phương thức đấu giá công khai theo quy định hiện hành của Nhà nước. Doanh nghiệp phải tổ chức Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản do Giám đốc doanh nghiệp làm Chủ tịch.

Các khoản thu và Chi phí cho hoạt động thanh lý nhượng bán tài sản của doanh nghiệp trong giai đoạn này được hạch toán vào thu nhập và chi phí bất thường của doanh nghiệp theo chế độ Nhà nước quy định.

c) Trường hợp đến thời điểm định giá mà vẫn chưa kịp xử lý tài sản thì giá trị của tài sản không cần dùng được loại trừ, không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và xử lý trong thời gian chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

1.3. Đối với tài sản là công trình phúc lợi như: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá, nhà ở của cán bộ công nhân viên được đầu tư bằng nguồn Quỹ Phúc lợi, khen thưởng thì không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa mà chuyển giao cho tập thể người lao động quản lý và sử dụng thông qua tổ chức công đoàn.

Riêng nhà ở của cán bộ công nhân viên (kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước) thì doanh nghiệp có trách nhiệm tập hợp hồ sơ và làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện hành.

1.4. Tài sản được đầu tư bằng nguồn Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi của doanh nghiệp nhưng đang dùng trong sản xuất kinh doanh thì được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo giá trị tài sản đánh giá lại. Phần giá trị tài sản này được chuyển thành cổ phần thuộc sở hữu của người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và được chia theo thời gian thực tế đã làm việc của từng người tại doanh nghiệp.

2. Xử lý nợ phải thu khó đòi: